

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số:184/2020/HNGĐ-PT

Ngày:23/11/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng;**

Các Thẩm phán : **Ông Lê Trí Cường;**

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : **Bà Đinh Thúy Hương-** Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: **Bà Ngô Phương Liên**
-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 166/2020/TLPT- HN&GD ngày 22 tháng 10 năm 2020. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 355/2020/HN&GD-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2020/QĐPT- HN&GD ngày 29/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2020/QĐ-HPT ngày 17/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị A, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: Khu 6, TL, xã TL, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Trú tại:Xóm Chùa, khu 5 TL, xã TL, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Khu 6, TL, xã TL ,huyện A, Thành phố Hà Nội

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị A và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện A, Hà Nội vào ngày 18/12/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh T tại Khu 6, TL, xã TL, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Theo chị A trình bày: Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn từ sau khi kết hôn được vài năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không tập trung làm ăn, ham mê cờ bạc, về nhà thường xuyên đánh chửi vợ con, có lần còn cầm dùi đục dao đánh chị gây thương tích. Ngoài ra bố mẹ anh T bênh con trai, không bảo vệ con dâu mà còn đánh đuổi ngược đãi mẹ con chị, Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2019. Không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị A xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị kiên quyết xin ly hôn với anh T.

Theo anh T trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh và thời gian đăng ký kết hôn đúng như chị A trình bày. Khi hai bên xảy ra mâu thuẫn, chị A về bên ngoại ở, anh có sang để xin lỗi nhưng chị A không đồng ý. Nay chị A xin ly hôn anh không đồng ý

Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có ba con chung là cháu Trần Tuấn Anh, sinh năm 2001, cháu Trần Minh V (Trần Thiên V) sinh ngày 21/08/2003, cháu Trần Thị Phương An, sinh năm 2013.

Ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu nhỏ chưa thành niên và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh T nuôi cả hai con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T 3.000.000 đồng/tháng. Chị A hiện làm nghề tự do, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/1 tháng.

Anh T trình bày nếu phải ly hôn, anh cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị A nuôi cả hai con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị 5.000.000 đồng/tháng. Anh T hiện làm nghề tự do, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng thống nhất xác định anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 355/2020/HNGĐ-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trương Thị A. Chị A được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cho chị A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Thị Phương An; Giao anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Minh V (Trần Thiên V). Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con cho chị A và anh T đến khi các bên có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị A và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm hỏi chăm sóc con chung

không ai được ngăn cản. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa không xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 23 tháng 7 năm 2020 bị đơn anh T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị A không rút đơn khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm như nội dung chị đã trình bày tại đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào thực tế mâu thuẫn quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh T là trầm trọng và đã kéo dài từ lâu, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh T:

Hội đồng xét xử xét: Chị A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện A, Hà Nội vào ngày 18/12/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh T tại khu 6, xã TL, huyện A, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt và trong cuộc sống hàng ngày, anh T không tập trung làm ăn kinh tế hay ham chơi cờ bạc dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, không có hạnh phúc. Ngoài ra chị A còn có mâu thuẫn với bố chồng nên đến năm 2018 anh chị ra ở riêng. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Như vậy tình trạng hôn nhân của chị A anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là vợ chồng sống cùng nhau yêu thương, chăm sóc, cùng nhau nuôi dạy con cái, chăm sóc gia đình không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho chị A được ly hôn với anh T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm anh T không chứng minh được đã có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới.

Về con chung: Ly hôn anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung chưa thành niên và đủ điều kiện để nuôi con do vậy cấp sơ thẩm đã giao cho mỗi người nuôi một con chung là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo kháng nghị được giữ nguyên và có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của kháng cáo của chị Là không được chấp nhận nên chị Là phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 355/2020/HNGĐ-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị A về việc ly hôn với anh Trần Ngọc T. Chị A được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Trương Thị A và anh T có ba con chung là cháu Trần Tuấn Anh, sinh năm 2001; cháu Trần Minh V (Trần Thiên V), sinh ngày 21/8/2003; cháu Trần Thị Phương An, sinh ngày 28/5/2013. Cháu Tuấn Anh đã trưởng thành, việc ở với ai là quyền của cháu Tòa không xét. Giao cháu Trần Thị Phương An cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Trần Minh V (Trần Thiên V) cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai đến khi có sự thay đổi khác.

Chị A và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm hỏi chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị A phải chịu **300.000** đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp **300.000** đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/16110 ngày 06 tháng 05 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A, Thành phố Hà Nội. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào số tiền **300.000** đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0016458 ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A, Thành phố Hà Nội. Chị A, anh T đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện A;
- UBND xã TL, huyện A;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng

